CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	7,300 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	10.6%	-0.7%	-10.4%

ROE (2024): -3.2% | +/- YoY: ▼ 3.5%

	Q4/24	QoQ	YoY
DT thuần	35.1 tỷ VNĐ	▼ 14.7 ▼ 29.4%	▼ 2.70 ▼ 7.0%
LN gộp	2.61 tỷ VNĐ	▼ 0.06 ▼ 2.4%	▲ 2.52 ▲ 2796%
LN thuần	1.59 tỷ VNĐ	▲ 2.86 ▲ 225%	▲ 3.40 ▲ 188%
LN sau thuế	-1.35 tỷ VNĐ	▼ 0.08 ▼ 6.4%	▼ 0.97 ▼ 256%

	2024	YoY
DT thuần	153 tỷ VNĐ	▲ 16.0 ▲ 12.2%
LN gộp	4.36 tỷ VNĐ	▲ 3.46 ▲ 384%
LN thuần	-3.71 tỷ VNĐ	▲ 0.61 ▲ 14.2%
LN sau thuế	-6.30 tỷ VNĐ	▼ 7.00 ▼ 995%

Kết quả kinh doanh

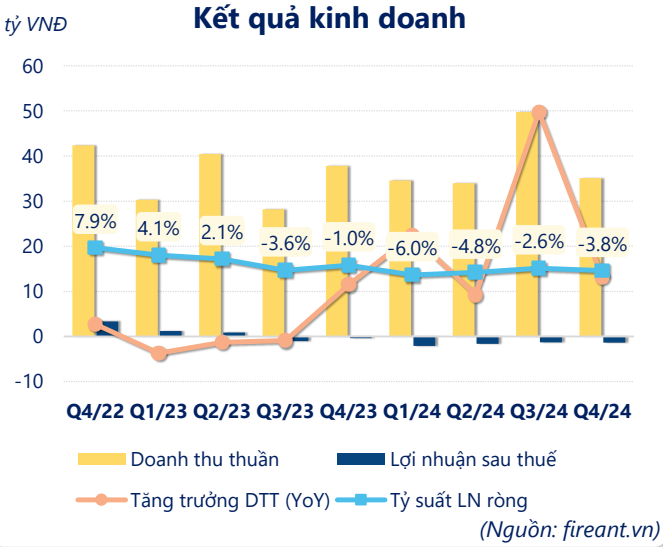

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

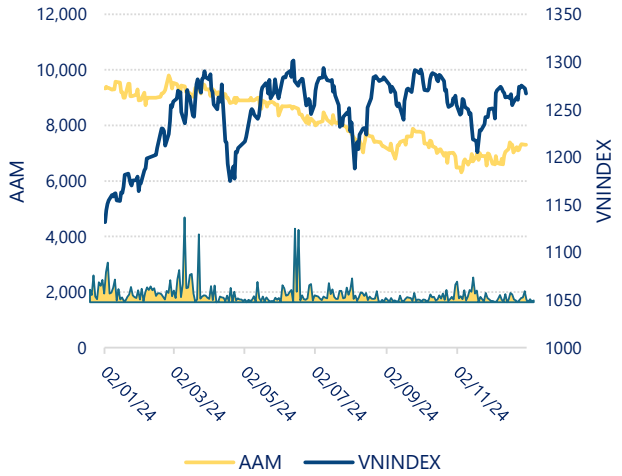

CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

Tăng trưởng lợi nhuận

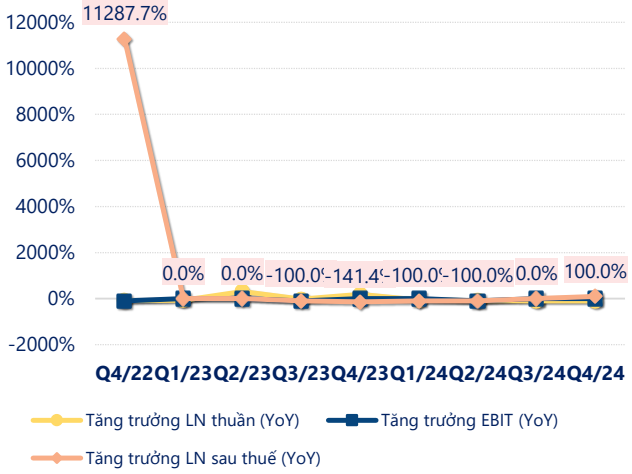

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

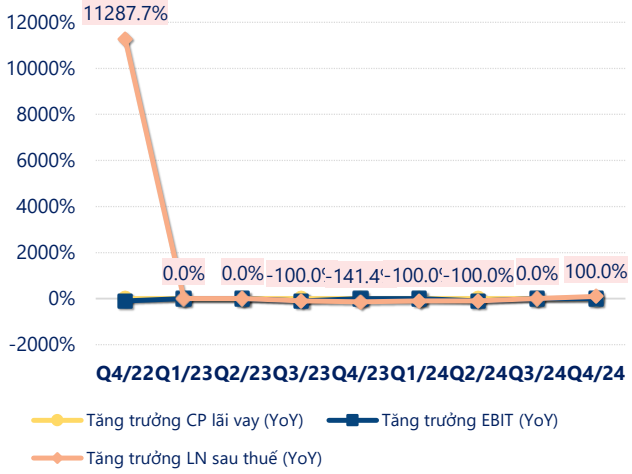

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

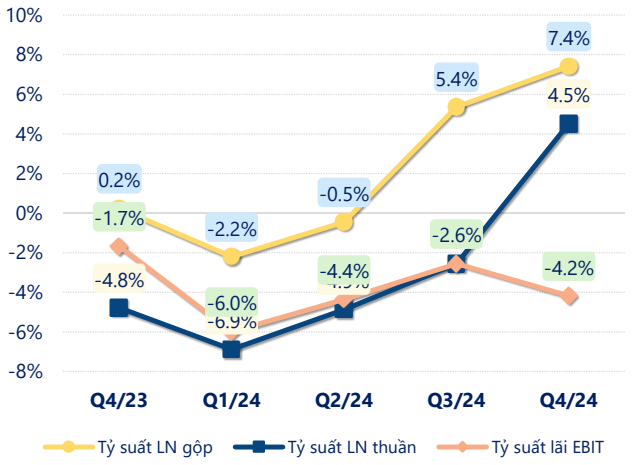

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

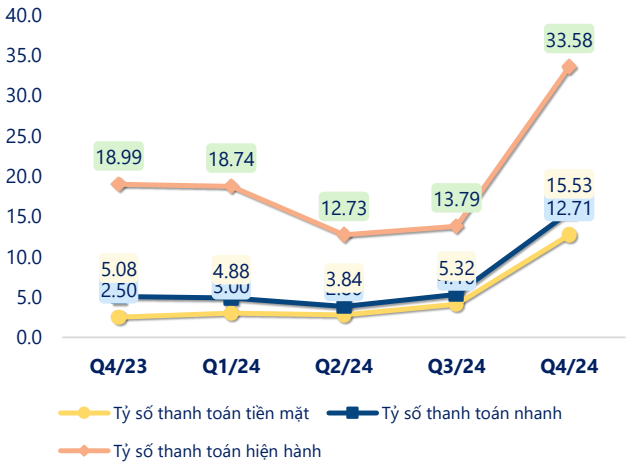

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

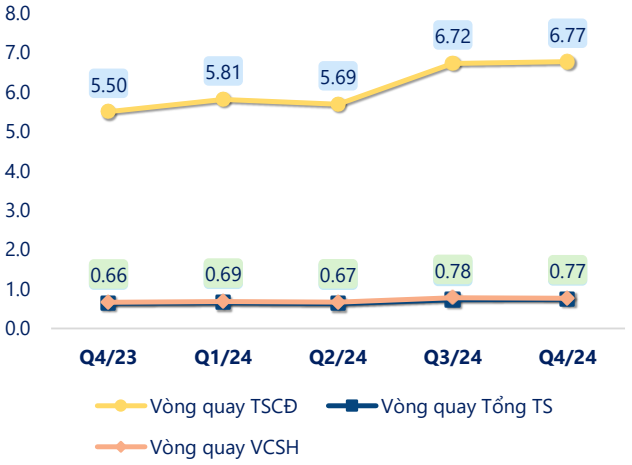

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

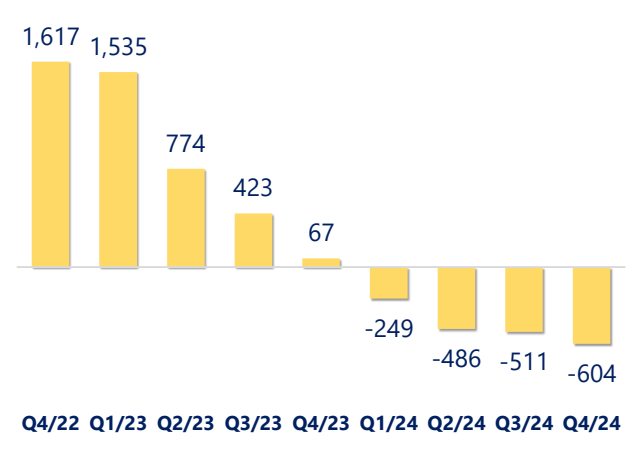

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**35.1**	**37.8**	**-7.0%**	**153**	**137**	**12.2%**
Giá vốn hàng bán	32.5	37.7	-13.7%	149	136	9.8%
Lợi nhuận gộp	2.61	0.09	2796%	4.36	0.90	384%
Doanh thu HĐTC	1.17	1.01	15.9%	3.32	4.86	-31.8%
Chi phí TC	0.18	0.07	152%	0.51	0.11	348%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.83	1.36	-38.8%	6.10	3.97	53.7%
Chi phí QLDN	**1.18**	**1.48**	**-20.3%**	**4.77**	**6.00**	**-20.5%**
LN thuần từ HĐKD	1.59	-1.81	188%	-3.71	-4.32	14.2%
Lợi nhuận khác	**-3.06**	**1.18**	**-359%**	**-2.58**	**5.12**	**-150%**
LN trước thuế	-1.47	-0.64	-130%	-6.29	0.80	-888%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.35**	**-0.38**	**-256%**	**-6.30**	**0.70**	**-995%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.35**	**-0.38**	**-256%**	**-6.30**	**0.70**	**-995%**

(Nguồn: fireant.vn)

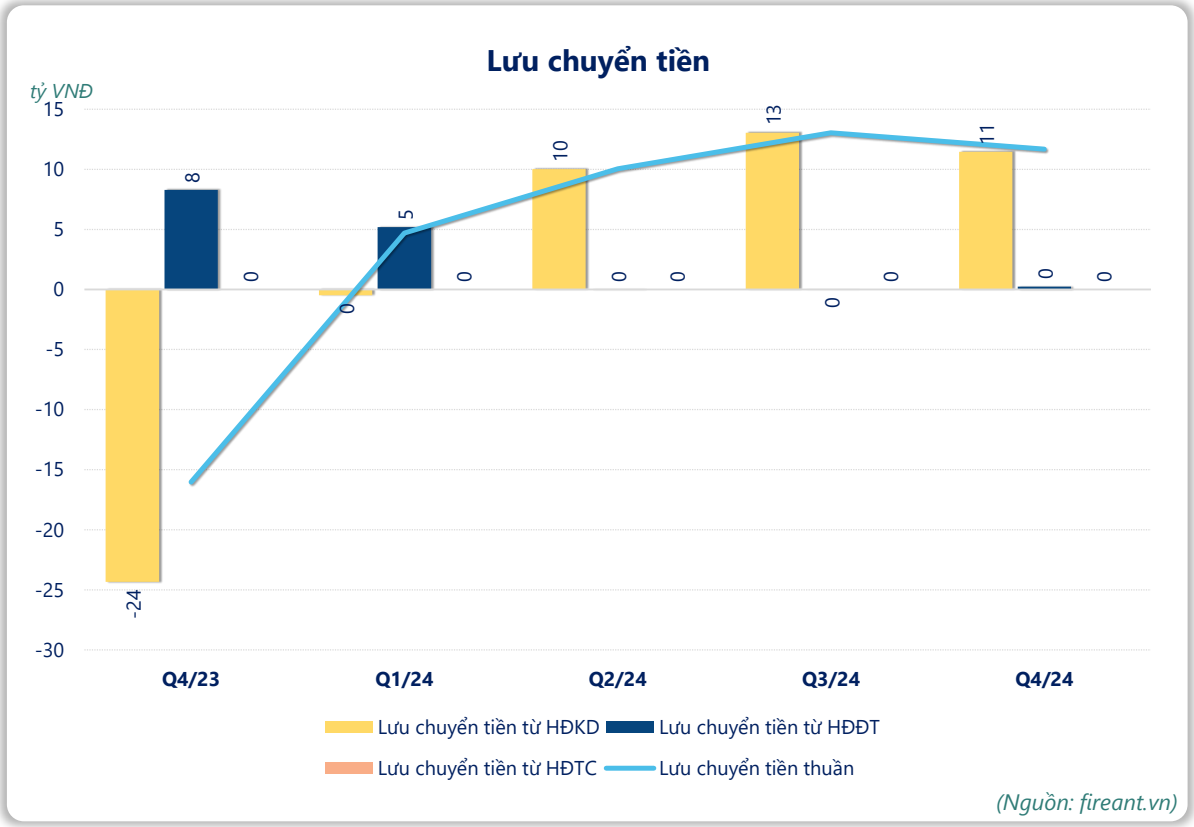

(Nguồn: fireant.vn)